

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

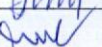
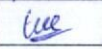
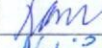
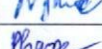
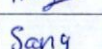
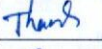
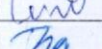
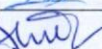
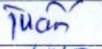
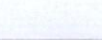
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Thị Tuyết	 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Thị Tuyết

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050038	HỒ DUY ĐÔNG	05/07/2001	CCQ1905B				8,5	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050139	TRẦN MINH ĐỨC	01/04/2001	CCQ1905B				7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050041	NGÔ MINH HIẾU	02/08/2000	CCQ1905B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050042	LÊ KHẮC HOAN	10/03/2001	CCQ1905B				6,5	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050006	NGUYỄN ĐỨC HUY	21/02/2001	CCQ1905A				3,5	0,0	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050008	NGUYỄN THANH HUY	01/02/2001	CCQ1905A				5,0	7,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050015	LƯƠNG TẤN LỰC	11/07/2001	CCQ1905A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A				9,0	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050017	LÊ TRỌNG NGHĨA	21/01/2001	CCQ1905A				5,5	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119050020	NGUYỄN ĐẶNG PHONG	15/05/2000	CCQ1905A				5,0	7,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050024	TRẦN THANH SANG	16/12/2000	CCQ1905A				8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050025	CAO HỮU TÀI	22/10/2001	CCQ1905A				9,5	9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050058	NGUYỄN TẤN THÀNH	02/04/2001	CCQ1905B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050064	TRƯƠNG NHẬT TIÊN	21/06/2001	CCQ1905B				9,5	9,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050029	NGUYỄN THANH TÌNH	03/04/2001	CCQ1905A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050030	KIỀU VẤN TRỌNG	26/10/2001	CCQ1905A				9,5	7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050031	HUỲNH NHẬT TRƯỜNG	20/10/2001	CCQ1905A				4,5	8,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050065	TRẦN VĂN TUẤN	15/11/2001	CCQ1905B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A				4,0	6,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050069	PHAN THẾ VỸ	20/09/2001	CCQ1905B				6,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

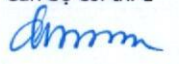
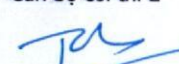
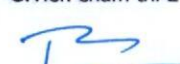
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Văn Hùng	 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Văn Hùng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050003	PHẠM NGỌC HẢI	07/05/2001	CCQ1905A				5,0	5,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050004	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	CCQ1905A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050005	HUỖNH ĐỨC HUY	03/12/2001	CCQ1905A				9,5	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050010	VÕ VĂN HỮU	06/03/2001	CCQ1905A				7,0	5,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050011	ĐẶNG LÊ KHA	04/08/2001	CCQ1905A				7,0	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050043	NGUYỄN THANH KHANG	20/07/2000	CCQ1905B				9,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050045	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	04/12/2001	CCQ1905B				6,6	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050048	NGUYỄN HÙNG LÂM	21/04/2001	CCQ1905B				6,6	8,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119050013	NGUYỄN HỒNG LĨNH	30/11/1999	CCQ1905A				8,2	9,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050140	TRẦN VĂN LONG	29/10/2000	CCQ1905B				6,6	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050014	LÊ QUANG LƯU	23/10/2001	CCQ1905A				9,0	8,0	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050051	NGÔ NGUYỄN HOÀI NAM	31/08/2001	CCQ1905B				5,2	7,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050018	VÕ VĂN NHÂN	03/08/2001	CCQ1905A				7,8	5,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050021	NGÔ HOÀNG PHÚC	25/10/2001	CCQ1905A				6,4	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050022	ĐẶNG MINH QUÂN	12/03/2001	CCQ1905A				9,0	7,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050053	NGUYỄN VĂN SANG	27/05/2000	CCQ1905B				7,8	8,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050023	TRẦN NGUYỄN TẤN SANG	01/01/1999	CCQ1905A				6,4	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050056	TRẦN VĂN TÂN	22/10/2001	CCQ1905B				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050027	LÊ VĂN THẮNG	14/12/2000	CCQ1905A				5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 02

CBGD: Nguyễn Mạnh Thắng (280014)

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Tôn Văn Túy</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Tôn Văn Túy</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050028	NGUYỄN VĂN THUẬN	10/02/2001	CCQ1905A			<i>Thuận</i>	7,2	5,0	5,9	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(8 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
22	2119050066	CAO NHẬT TƯỜNG	02/03/2001	CCQ1905B			<i>Tuan</i>	5,4	9,0	7,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(8 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
23	2119050034	DƯƠNG VĂN ÚT	05/12/2001	CCQ1905A			<i>Ut</i>	8,2	8,0	8,1	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(8 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
24	2119050068	NGUYỄN THANH VŨ	28/09/2001	CCQ1905B			<i>Vu</i>	7,6	5,0	6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(8 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A			<i>Phạm Thế Anh</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050070	PHAN KIM TUẤN	07/04/2001	CCQ1905C			<i>Phan Kim Tuấn</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Quốc Bảo</i>	5,0	6,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050071	TRẦN GIA BẢO	01/01/2001	CCQ1905C			<i>Trần Gia Bảo</i>	6,6	5,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Duy Cường</i>	7,2	5,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Quang Hiếu</i>	6,4	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Hoàng</i>	5,2	7,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050081	PHAN NGỌC HUY	05/12/1998	CCQ1905C			<i>Phan Ngọc Huy</i>	5,0	7,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050082	VÕ VĂN HUY	15/09/2001	CCQ1905C			<i>Võ Văn Huy</i>	5,0	6,6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC	11/08/2000	CCQ1905C			<i>Trần Văn Ngọc</i>	5,0	6,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050086	NGUYỄN THÀNH LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Thành Luận</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050087	NGUYỄN VĂN LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Văn Lực</i>	6,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050092	HUỖNH HỮU PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			<i>Huỳnh Hữu Phước</i>	5,0	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050091	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Ngọc Phương</i>	4,2	9,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050093	KIỀU NGỌC QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			<i>Kiều Ngọc Quang</i>	8,2	9,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050094	HUỖNH VĂN QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			<i>Huỳnh Văn Quyết</i>	8,2	9,5	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Nhân Tài</i>	7,2	6,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Tài</i>	5,0	9,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050099	BÁO VĂN LỘC	04/01/2001	CCQ1905C			<i>Báo Văn Lộc</i>	7,2	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Minh Tiến</i>	7,8	8,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Nguyễn Mạnh Thắng	Trần Thị Tuy	Nguyễn Mạnh Thắng	Trần Thị Tuy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C				7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C				5,8	9,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C				5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119050104	LƯU TRƯƠNG TY	21/05/2001	CCQ1905C				5,2	8,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

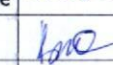
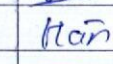
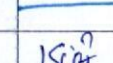
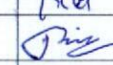
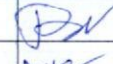
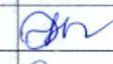
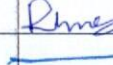
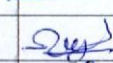
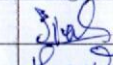
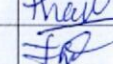
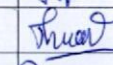
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Hệ thống điện nhẹ (228276) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 20
Số bài thi: 20
Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Thị Mỹ	 Nguyễn Mạnh Thắng	 Trần Thị Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050106	TRẦN GIA BẢO	17/09/2001	CCQ1905D				5,5	7,0	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2119050109	LÊ KHẮC HẢI	07/04/2001	CCQ1905D				6,6	9,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119050110	NGUYỄN THANH HẢI	16/05/2000	CCQ1905D				6,1	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119050111	TRẦN VĂN HẢI	02/08/2001	CCQ1905D				6,1	9,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
5	2119050113	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	26/10/2001	CCQ1905D				5,0	8,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2119050116	PHÙNG KHẮC KHÔI	10/02/2001	CCQ1905D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119050141	HUỲNH VĂN KIẾT	29/06/2001	CCQ1905D				5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119050119	TRẦN PHƯƠNG NAM	25/08/1998	CCQ1905D				5,5	9,0	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119050121	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D				5,5	8,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2119050122	PHAN THANH NHÀN	10/08/2000	CCQ1905D				5,5	7,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2119050123	LÂM HÀ PHI	31/03/2001	CCQ1905D				5,5	5,0	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2119050124	NGUYỄN THANH PHI	17/08/2001	CCQ1905D				5,5	6,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2119050126	ĐÀM VĂN PHONG	26/11/1999	CCQ1905D				5,5	7,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2119050127	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	17/04/2001	CCQ1905D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119050129	TĂNG XUÂN QUỲNH	25/03/2001	CCQ1905D				6,6	8,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D				6,6	8,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119050132	TRỊNH QUỐC THẮNG	28/02/2001	CCQ1905D				5,5	6,0	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
18	2119050133	TRƯƠNG THANH THÍNH	10/01/1998	CCQ1905D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119050135	NGUYỄN MINH THUẬN	20/11/2001	CCQ1905D				6,6	8,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2119050137	HUỲNH NHẬT TRƯỜNG	16/08/2000	CCQ1905D				4,4	7,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9